

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG**

**MST : 0200815578**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II**  
**NĂM 2014**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

### **CÔNG TY**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013.
- Trụ sở chính của Công ty:  
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : (031)3 854 626  
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

#### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạnh	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên



## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2014.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

*ĐVT: VND*

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>440.061.901.041</b>	<b>481.772.633.791</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>29.037.205.707</b>	<b>177.402.247.656</b>
1. Tiền	111		29.037.205.707	177.402.247.656
2. Các khoản tương đương tiền				
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>5.2</b>		
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>237.750.383.256</b>	<b>174.304.167.251</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		1.642.800.000	1.881.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		91.049.269.302	23.900.434.297
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>5.3</b>	145.058.313.954	148.522.232.954
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>164.943.276.579</b>	<b>128.012.064.615</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>5.4</b>	164.943.276.579	128.012.064.615
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.331.035.499</b>	<b>2.054.154.269</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			220.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.974.827.097	888.491.407
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		5.356.208.402	945.662.862
4. Tài sản ngắn hạn khác	154			
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>303.380.097.292</b>	<b>197.715.404.093</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.5</b>	<b>1.326.846.481</b>	<b>3.473.526.784</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		1.326.846.481	3.473.526.784
- Nguyên giá	222		1.783.156.798	4.757.229.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(456.310.317)	(1.283.702.741)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>301.975.347.386</b>	<b>193.427.347.386</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000.000	160.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		43.077.347.386	33.427.347.386
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.102.000.000)	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.903.425</b>	<b>814.529.923</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>5.7</b>	77.903.425	814.529.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>743.441.998.333</b>	<b>679.488.037.884</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 2 năm 2014

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>217.765.062.568</b>	<b>182.322.218.755</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>217.765.062.568</b>	<b>182.322.218.755</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	14.618.968.200	
2. Phải trả cho người bán	312		132.786.289.120	116.076.838.550
3. Người mua trả tiền trước	313		13.403.419.132	8.259.554.610
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	21.026.978	63.466.457
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			982.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	48.417.055.856	48.417.055.856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	8.518.303.282	8.523.303.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>525.676.935.765</b>	<b>497.165.819.129</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.12	<b>525.676.935.765</b>	<b>497.165.819.129</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		382.499.480.000	382.499.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.270.000.000	14.270.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	5.183.151.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		7.597.100.000	3.494.600.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		116.127.204.765	91.718.588.129
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>743.441.998.333</b>	<b>679.488.037.884</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu			30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại (USD) Ngoại tệ : CNY	N05		484.01 104.400	462.39



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2014

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
**Kế toán trưởng**

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
**Người lập**



**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014		Năm 2013	
		Quý 2	Lũy kế 30/6/2014	Quý 2	Lũy kế 30/6/2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		184.679.742.779	323.350.346.302	134.435.848.415	238.558.647.611
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>5.13</b>	184.679.742.779	323.350.346.302	134.435.848.415	238.558.647.611
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>5.14</b>	165.569.153.767	284.999.192.740	107.008.239.920	191.479.465.208
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>		19.110.589.012	38.351.153.562	27.427.608.495	47.079.182.403
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>5.15</b>	95.577.172	130.799.299	254.960.839	557.066.306
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>5.16</b>	3.494.393.408	3.504.705.908	3.627.074.001	3.807.598.162
- Trong đó: Lãi vay phải trả		100.708.448	100.708.448		
<b>8. Chi phí bán hàng</b>		1.419.347.911	2.599.411.356	691.988.541	1.258.062.998
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		2.347.230.221	3.499.850.914	1.227.566.393	2.239.502.022
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>		11.945.194.644	28.877.984.683	22.135.940.399	40.331.085.527
<b>11. Thu nhập khác</b>		2.000.000.000	2.000.000.000		
<b>12. Chi phí khác</b>		2.338.092.201	2.338.092.201		
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>		(338.092.201)	(338.092.201)		
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>		<b>11.607.102.443</b>	<b>28.539.892.482</b>	<b>22.135.940.399</b>	<b>40.331.085.527</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.17</b>	<b>21.026.978</b>	28.775.846	139.266.577	139.266.577
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>		<b>11.586.075.465</b>	<b>28.511.116.636</b>	<b>21.996.673.822</b>	<b>40.191.818.950</b>



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2014

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

MÃ SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>28.539.892.482</b>	<b>40.331.085.527</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	211.467.702	235.903.643
Các khoản dự phòng	03	1.102.000.000	391.783.339
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.597.443.780	3.308.767.689
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	129.557.902	(557.066.306)
Chi phí lãi vay	06	100.708.448	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>31.681.070.314</b>	<b>43.710.473.892</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(70.721.312.799)	(49.289.288.958)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(36.931.211.964)	(71.111.420.123)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	20.129.821.876	184.225.565.908
Thay đổi chi phí trả trước	12	553.746.898	29.207.256
Tiền lãi vay đã trả	13	(100.708.448)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(71.215.325)	(3.750.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.000.000)	(123.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(55.464.809.448)</b>	<b>107.437.787.975</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.439.940.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.650.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000.000)	(105.500.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	114.989.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	130.799.299	557.066.306
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(107.519.200.701)</b>	<b>8.606.126.306</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	44.933.960.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.618.968.200	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>14.618.968.200</b>	<b>44.933.960.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(148.365.041.949)</b>	<b>160.977.874.281</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>177.402.247.656</b>	<b>40.939.228.027</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>29.037.205.707</b>	<b>201.917.102.308</b>



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2014

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Người lập

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/7/2013.

Vốn Điều lệ: 382.499.480.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 23 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**



Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đồng Việt Nam ( VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

### **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **3.2 Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

#### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh toán cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

#### **4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

#### **4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

##### **- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### **4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

#### **4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

#### **Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### **4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## 5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1,302,766,288	176,231,268
Tiền gửi ngân hàng	27,734,439,419	177,226,016,388
Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng</b>	<b>29,037,205,707</b>	<b>177,402,247,656</b>

### 5.3 Các khoản phải thu khác

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	5,145,131,020	2,686,785,020
Phải thu của Công ty CPTM Hưng Việt	139,913,182,934	145,835,447,934
<b>Tổng cộng</b>	<b>145,058,313,954</b>	<b>148,522,232,954</b>

(\*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

Thể hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VNĐ ( Ba trăm tỷ đồng ) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án “ Golden land Building”. Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014. Công ty đã góp vốn đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh trên là 260.824.447.934 đồng tuy nhiên theo nghị quyết đại hội cổ đông số 02-NQĐHCT ngày 05/02/2013 được cổ đông thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho công ty. Tại ngày 31/12/2013 số tiền đầu tư còn lại là 145.835.447.934.

Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt được lập thành ngày 21/07/2006 và đang quản lý dự án xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở GOLDENLAND –BUILDING. Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt là Công ty chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ cũng đồng thời là cổ đông có quyền kiểm soát đối với Công ty.

### 5.4 Hàng tồn kho

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	63,509,375,825	53,115,983,834
Hàng hóa	38,128,755,203	13,294,936,125
Hàng gửi bán	63,305,145,551	61,601,144,656
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>164,943,276,579</b>	<b>128,012,064,615</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 2 năm 2014

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**5.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>4,524,912,727</b>	<b>232,316,798</b>	<b>4,757,229,525</b>
Tại ngày 01/01/2014	4,524,912,727	232,316,798	4,757,229,525
Mua trong kỳ			-
Giảm trong kỳ	2,974,072,727		2,974,072,727
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>1,550,840,000</b>	<b>232,316,798</b>	<b>1,783,156,798</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			-
Tại ngày 01/01/2014	1,117,041,443	166,661,298	1,283,702,741
Khấu hao trong kỳ	182,936,022	28,531,680	211,467,702
Thanh lý, nhượng bán	1,038,860,126		1,038,860,126
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>	<b>261,117,339</b>	<b>195,192,978</b>	<b>456,310,317</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2014	3,407,871,284	65,655,500	3,473,526,784
Tại ngày 30/06/2014	1,289,722,661	37,123,820	1,326,846,481

**5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng	80,000,000,000	80,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	80,000,000,000	80,000,000,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	33,427,347,386	33,427,347,386
Công ty CPĐT xây dựng Hoàng Hiệp	100,000,000,000	
Đầu tư dài hạn khác	9,650,000,000	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1,102,000,000)	
<b>Tổng cộng</b>	<b>301,975,347,386</b>	<b>193,427,347,386</b>

Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang được thành lập ngày 21/09/2013 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp mã số doanh nghiệp 0201312898 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 80.000.000.000 đồng

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0201322832 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 22 tháng 11 năm 2013 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 80.000.000.000 đồng

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 do ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013, tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 33.427.347.386 đồng.

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp theo giấy chứng nhận đầu tư số 0312822848 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 06 năm 2014, tính đến ngày 30/06/2014 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 100.000.000.000 đồng.

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 01/01/	814,529,923	814,529,923
Tăng trong kỳ	32,484,179	
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong	(769,110,677)	
Tại ngày 30/06/2014	<b>77,903,425</b>	<b>814,529,923</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế TNDN	21,026,978	63,466,457
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,026,978</b>	<b>63,466,457</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,074,020,000	47,074,020,000
Phải trả cá nhân	170,000,000	170,000,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	1,173,035,856	1,173,035,856
<b>Tổng cộng</b>	<b>48,417,055,856</b>	<b>48,417,055,856</b>

**5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>30/06/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ khen thưởng	5,797,733,522	5,802,733,522
Quỹ phúc lợi	2,720,569,760	2,720,569,760
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,518,303,282</b>	<b>8,523,303,282</b>

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Các quỹ khác</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày					
01/01/2014	382,499,480,000	14,270,000,000	8.677.751.000	91.718.588.129	497.165.819.129
Lãi trong kỳ				15.698.954.106	15.698.954.106
Trích quỹ					
Quỹ dự phòng vốn điều lệ			4.102.500.000		
Tại ngày					
30/06/2014	382,499,480,000	14,270,000,000	12.780.251.000	107.417.542.235	516.967.273.235



Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 382.499.480.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Theo giấy chứng nhận ĐKKD</b>		<b>Vốn đã góp đến 30/06/2014</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54%	180.116.600.000	47%
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85%	80.493.750.000	21%
Mai Trang	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Cổ đông khác	10.000.000.000	10%	80.882.880.000	20%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>382.499.480.000</b>	<b>100%</b>

**Phân tích các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn, chi phí và lợi nhuận**

	<b>30/06/2014</b>	<b>30/06/2013</b>
<b>5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	321,487,363,632	237,575,363,625
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,862,982,670	983,283,986
<b>Tổng cộng</b>	<b>323,350,346,302</b>	<b>238,558,647,611</b>
<b>5.14 Giá vốn</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>30/06/2013</b>
Giá vốn của hàng hóa	283.577.690.056	190,750,000,964
Giá vốn của dịch vụ	1,421,502,684	729,464,244
<b>Tổng cộng</b>	<b>284.999.192.740</b>	<b>191,479,465,208</b>
<b>5.15 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>30/06/2013</b>
Lãi tiền gửi	53,064,299	557,066,306
Thu lãi từ hoạt động cho vay	77,735,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>130,799,299</b>	<b>557,066,306</b>
<b>5.16 Chi phí tài chính</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>30/06/2013</b>
Lãi vay phải trả	100,708,448	
Chênh lệch tỷ giá	2.301.997.460	3,807,598,162
Dự phòng giảm giá đầu tư	1,102,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.504.705.908</b>	<b>3,807,598,162</b>
<b>5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.</b>	<b>30/06/2014</b>	<b>30/06/2013</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.539.892.482	40,331,085,527
Thu nhập chịu thuế	130,799,299	557,066,306
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (22%)	6.278.776.346	10,082,771,382
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(6.250.000.500)	(9,943,504,805)
Thuế TNDN 22%	28,775,846	139,266,577
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.511.116.636	40,191,818,951

(\* Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

### 5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca Internetal dự kiến thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Prukca Việt Nam lần lượt là 15.000.000 USD và 85.000.000 USD ( trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Prukca Internetal lần lượt là 15% và 85% ).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đông, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng ( trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Công ty TNHH Prukca Việt Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 do ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013. Tính đến ngày 30/06/2014 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 33.427.347.386 đồng.

### 5.19 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy</b>	VNĐ
Mua thùng xe ô tô.	11.975.125.461

## 6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

- \* Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.
- \* Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung
- \* Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Phân tích chỉ tiêu doanh thu theo khu vực địa lý

Doanh thu	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Doanh thu hàng hóa	132.860.913.633	128.696.177.271	59.930.272.728	321.487.363.632
Doanh thu dịch vụ	1.862.982.670			1.862.982.670
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.723.896.303</b>	<b>128.696.177.271</b>	<b>128.696.177.271</b>	<b>323.350.346.302</b>

Phân tích chỉ tiêu giá vốn theo khu vực địa lý

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
Giá vốn của hàng hóa	115.678.775.976	113.553.719.060	54.345.195.020	283.577.690.056
Giá vốn của dịch vụ	1.421.502.684			1.421.502.684
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.100.278.660</b>	<b>113.553.719.060</b>	<b>54.345.195.020</b>	<b>284.999.192.740</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý 2 năm 2014

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Phân tích chi tiêu lợi nhuận theo khu vực địa lý

<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	17.182.137.657	13.142.458.211	7.585.077.708	37.909.673.576
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	441.479.986			441.479.986
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.623.617.643</b>	<b>13.142.458.211</b>	<b>7.585.077.708</b>	<b>38.351.153.562</b>

Các khoản phải thu ngắn hạn

<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải thu của khách hàng	719.800.000		923.0000000	1.642.800.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>719.800.000</b>		<b>923.0000000</b>	<b>1.642.800.000</b>

Các khoản trả trước cho người bán

<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	<b>Tổng cộng</b>
Trả trước cho người bán	18.159.468.000	72.889.801.302	91.049.269.302
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.159.468.000</b>	<b>72.889.801.302</b>	<b>91.049.269.302</b>

Các khoản phải trả ngắn hạn

<b>Khách hàng trả tiền trước</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
Khách hàng trả tiền trước	3.907.419.132	6.076.000.000	4.440.000.000	13.403.419.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.907.419.132</b>	<b>6.076.000.000</b>	<b>4.440.000.000</b>	<b>13.403.419.132</b>

Các khoản phải trả cho người bán

<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải trả cho người bán	132.777.489.120	8.800.000	132.786.289.120
<b>Tổng cộng</b>	<b>132.777.489.120</b>	<b>8.800.000</b>	<b>132.786.289.120</b>

## **7. THÔNG TIN KHÁC**

### **7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

### **7.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 30/06/2013 và 31/12/2013 được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán.

### **7.3 Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 2 năm 2014 với quý 2 năm 2013**

Lợi nhuận quý 2 năm 2014 đạt 11.586.075.465 VNĐ so với cùng kỳ quý 2 năm 2013 giảm 10.410.598.357 VNĐ tương ứng với giảm 47,3%. Lợi nhuận lũy kế đến 30/6/2014 đạt 28.511.116.636 VNĐ giảm so với cùng kỳ tương ứng là 11.680.702.314 VNĐ tương đương với 29%.

Lợi nhuận giảm vì các nguyên nhân sau:

Trong quý 2 năm 2014, do chính sách mới của Nhà nước về việc kiểm soát tải trọng xe. Để đáp ứng các yêu cầu mới, người tiêu dùng xe hay các công ty trong ngành vận tải trong cả nước cần có thời gian xem xét và cân đối nhu cầu đầu tư để đảm bảo năng lực chuyên chở trong hoạt động kinh doanh. Do vậy, trong thời điểm hai tháng tháng 4 và tháng 5, các đơn đặt hàng tạm chững lại trong ngắn hạn. Riêng trong tháng 6, nhu cầu mua xe đã trở lại bình thường và có sự tăng trưởng trong doanh số rõ rệt. Xu hướng đơn đặt hàng đang có chiều hướng tiếp tục gia tăng.

Do vậy, lợi nhuận của Công ty đạt được trong quý 2 vừa qua chỉ tương đương với 1 tháng kinh doanh thông thường. Đây chính là lý do lợi nhuận theo niên độ quý 2 năm 2014 có sự chênh lệch so với cùng kỳ năm 2013.



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2014

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
**Kế toán trưởng**

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
**Người lập**

